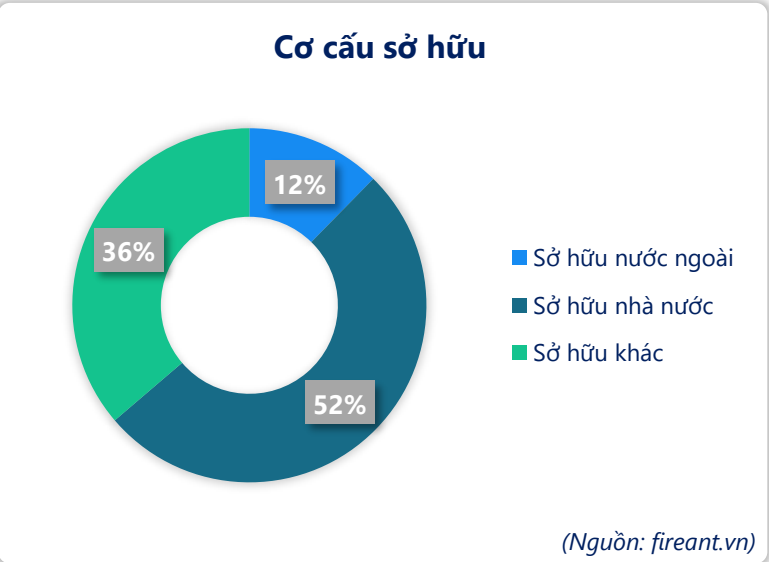
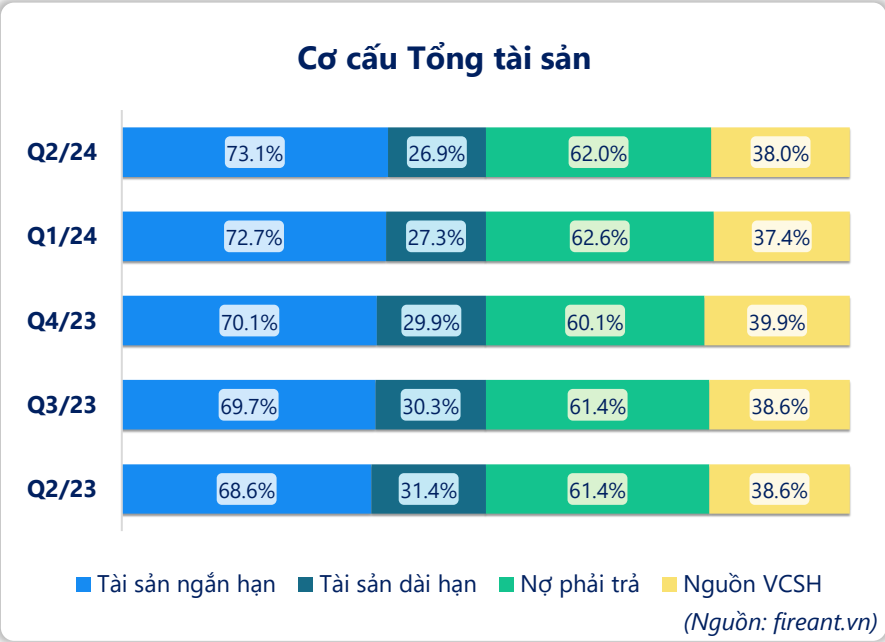
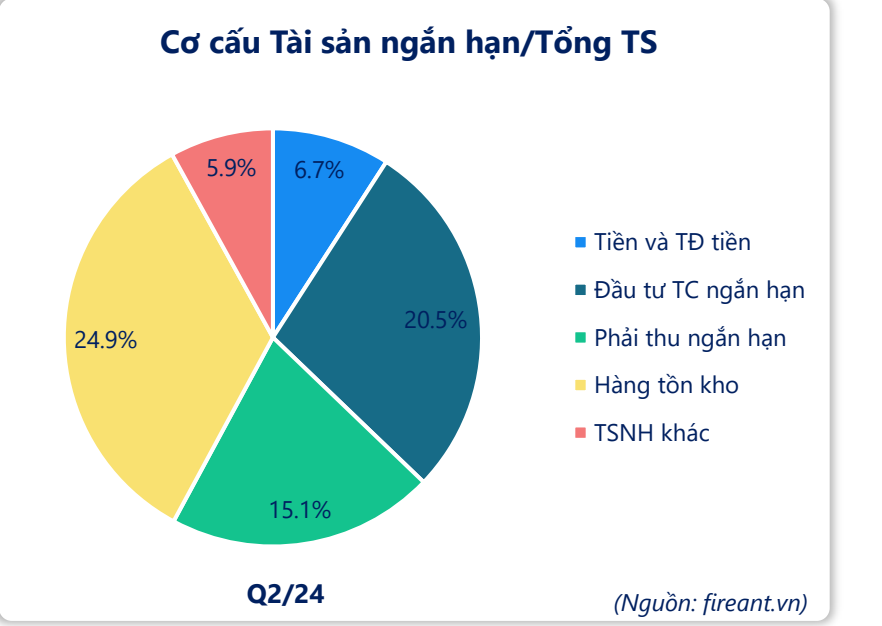
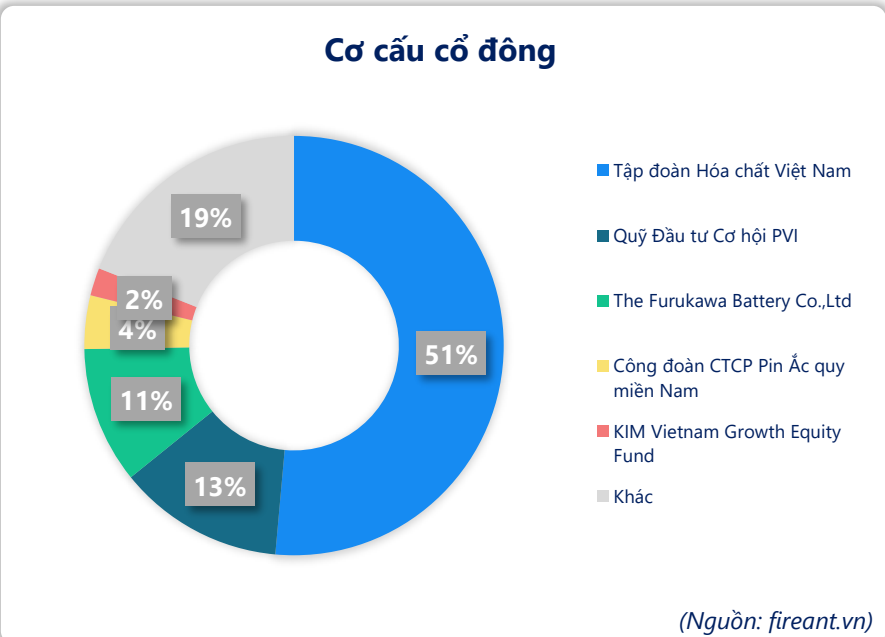
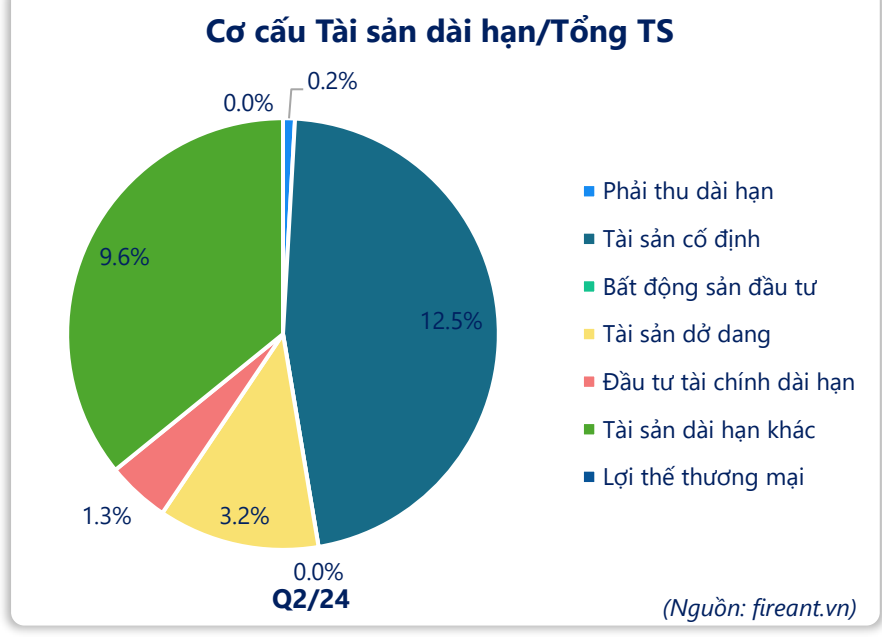
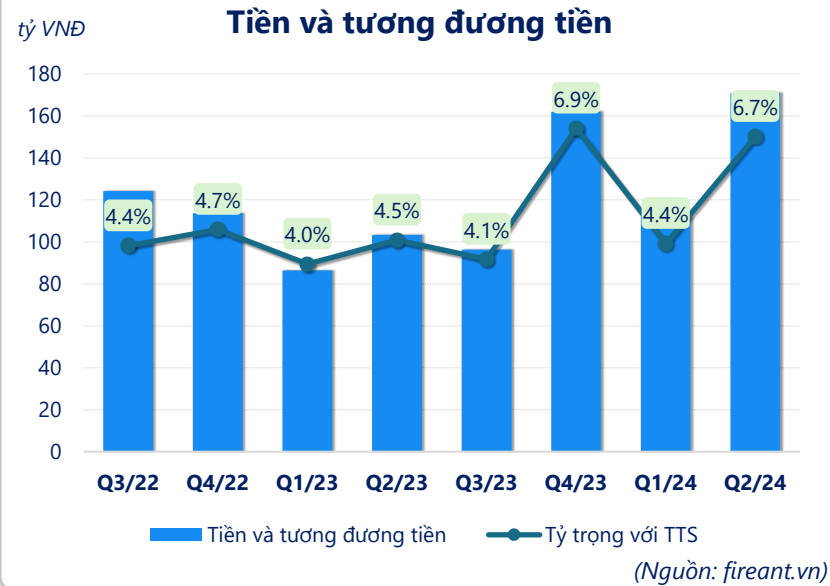
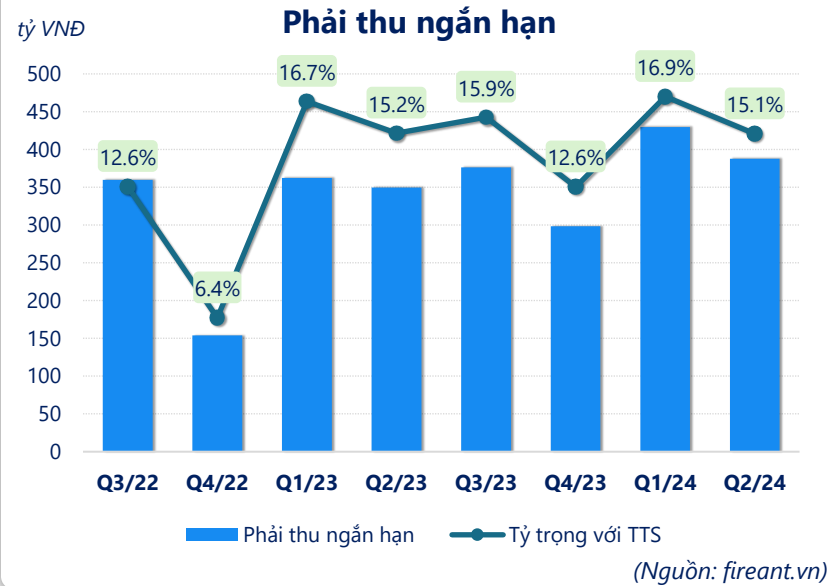
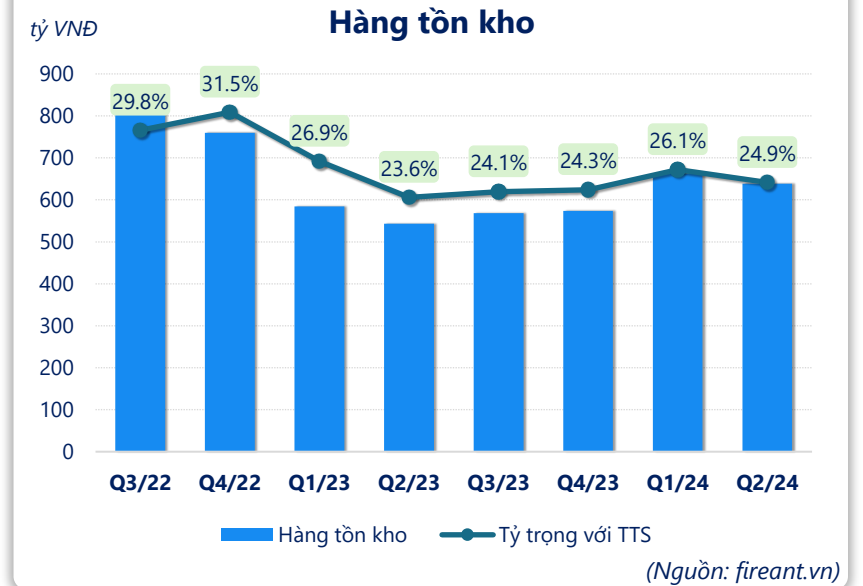
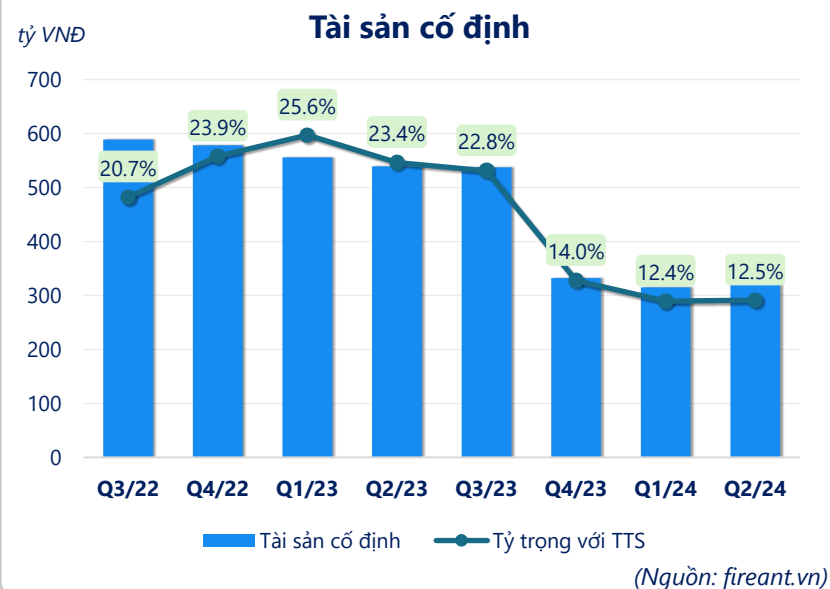
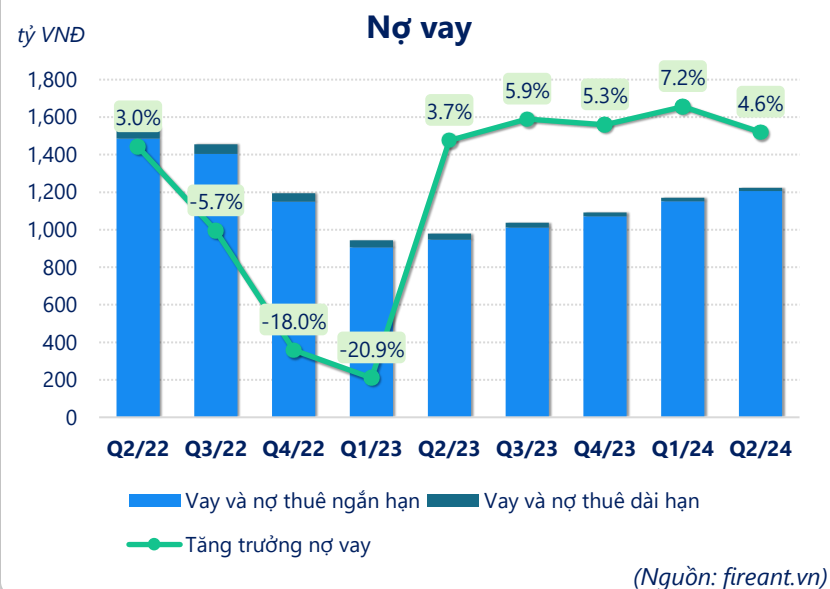
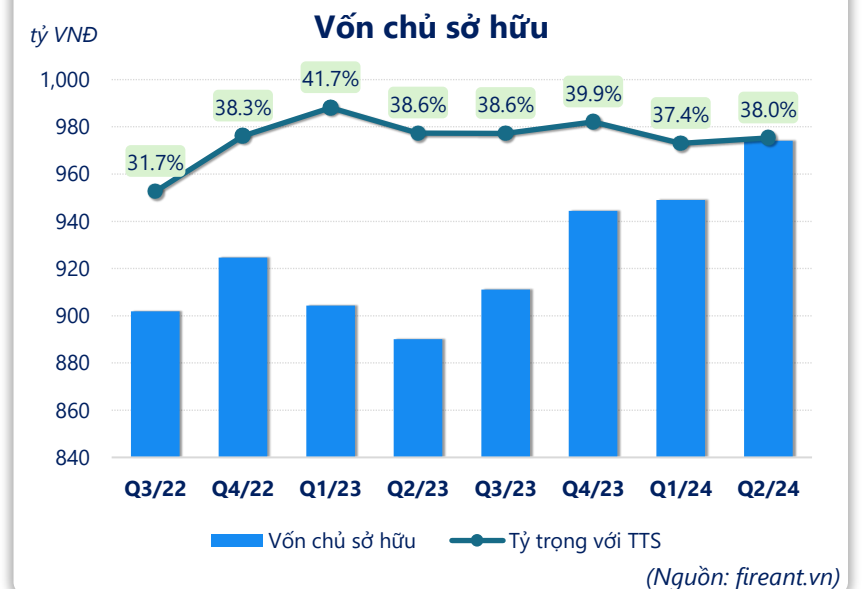
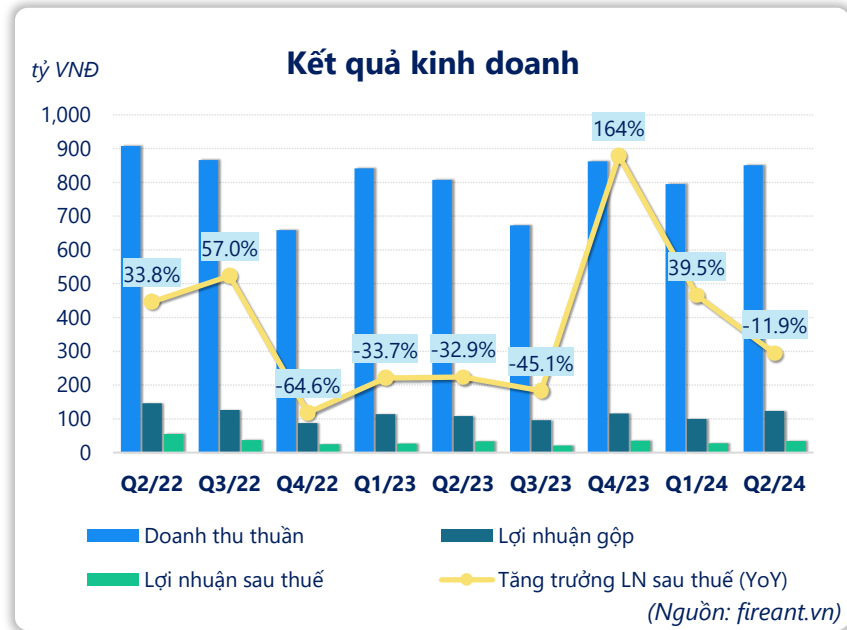
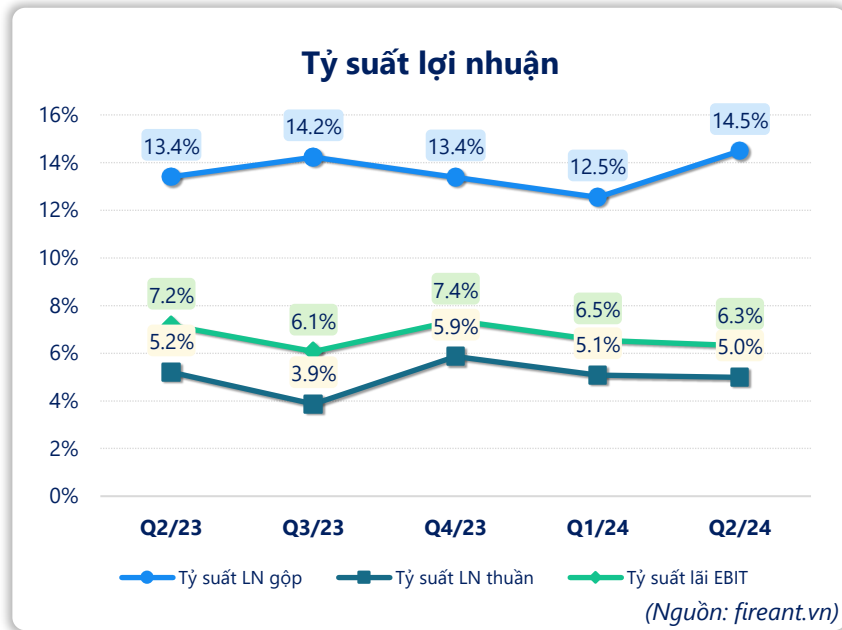
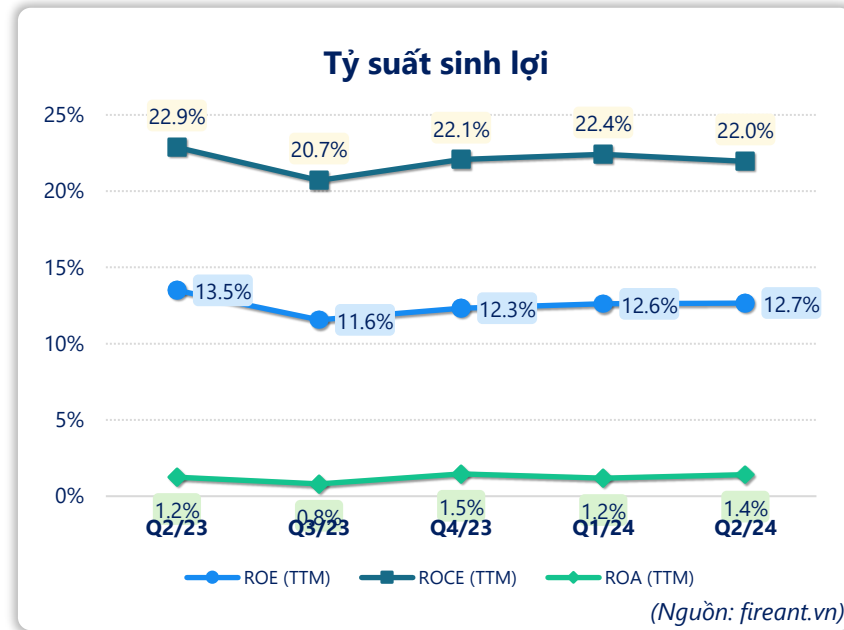
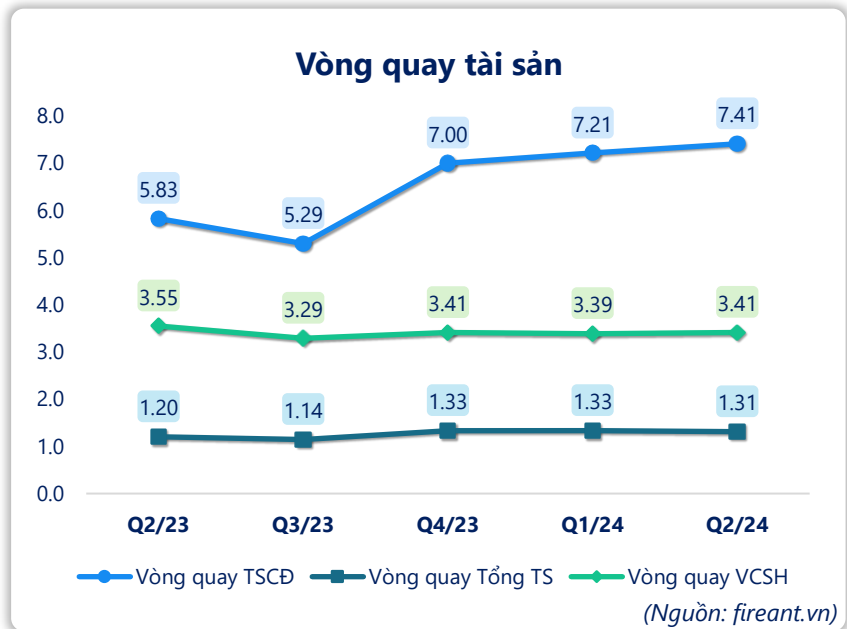
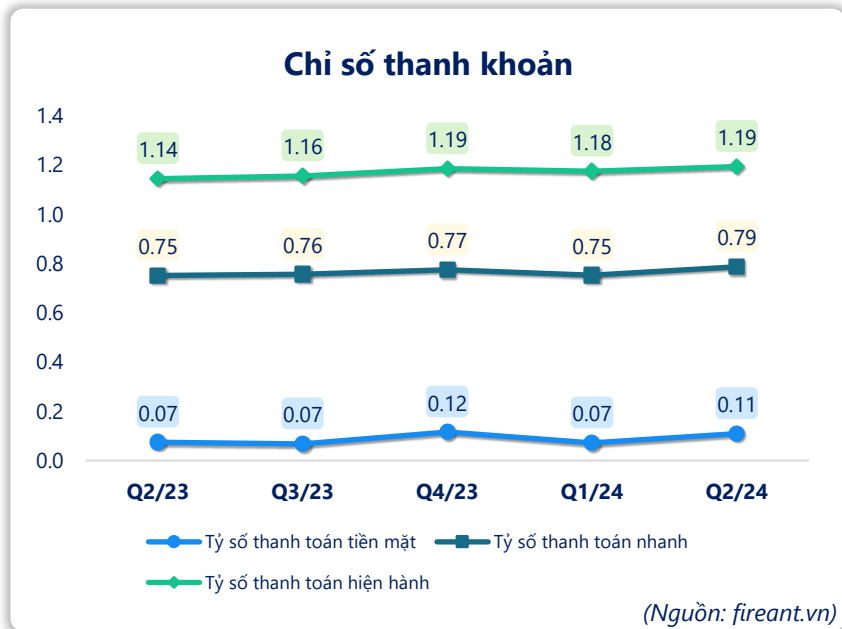
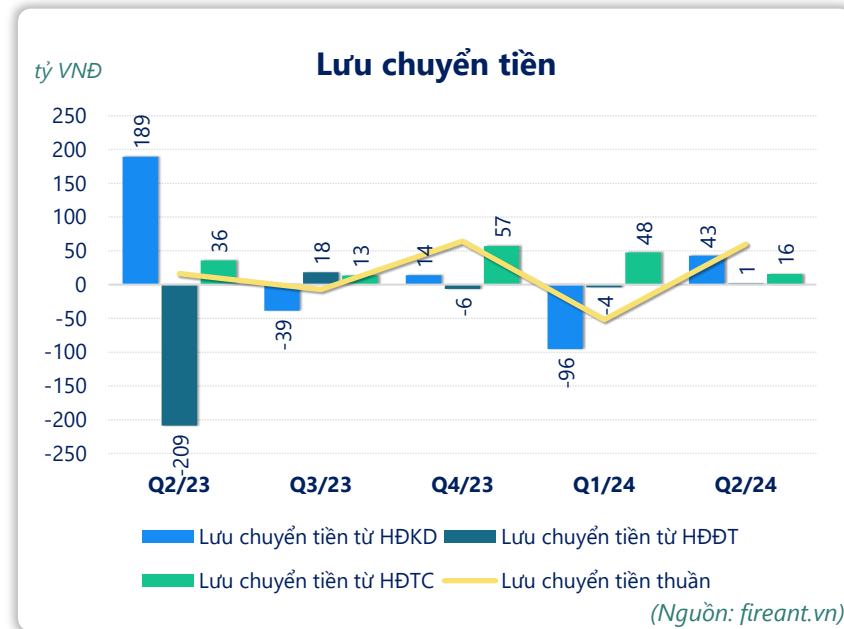


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		51,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		55,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,574
SL cổ phiếu LH		46,471,707
KLGD BQ 20 phiên (CP)		173,205
% sở hữu nước ngoài		12.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,370
P/E		20.1
EPS		2,541

	YTD	1T	3T	6T
PAC	110.8%	-2.7%	64.5%	110.4%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,560	2,434	5.2%
Tài sản ngắn hạn	1,872	1,726	8.4%
Tiền và tương đương tiền	171	162	5.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	525	506	3.8%
Phải thu ngắn hạn	388	298	30.0%
Hàng tồn kho	638	643	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	150	117	28.4%
Tài sản dài hạn	688	707	-2.7%
Phải thu dài hạn	6.13	5.33	15.0%
Tài sản cố định	320	332	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	83.2	87.0	-4.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	247	250	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,586	1,489	6.5%
Nợ ngắn hạn	1,568	1,467	6.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,207	1,072	12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	139	213	-34.6%
Nợ dài hạn	18.3	21.6	-15.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.4	19.7	-16.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	974	944	3.1%
Vốn chủ sở hữu	974	944	3.1%
Vốn điều lệ	465	465	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	808	673	863	795	851
Giá vốn hàng bán	699	577	747	695	728
Lợi nhuận gộp	108	95.7	115	99.7	123
Doanh thu HĐTC	13.5	14.7	16.2	12.2	11.9
Chi phí TC	16.9	22.2	16.7	14.6	18.7
Chi phí lãi vay	15.8	14.5	12.9	11.6	10.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	51.1	48.8	43.6	41.6	49.3
Chi phí QLDN	11.8	13.4	20.8	15.3	24.7
LN thuần từ HĐKD	42.0	26.0	50.6	40.4	42.5
Lợi nhuận khác	0.05	0.31	0.15	0.06	0.38
LN trước thuế	42.0	26.3	50.7	40.5	42.9
Lợi nhuận sau thuế	33.0	21.1	34.9	27.8	34.2
LNST của CĐ cty mẹ	33.0	21.1	34.9	27.8	34.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	189	-38.6	13.8	-95.7	42.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-209	18.0	-6.42	-4.11	1.41
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	35.8	13.3	56.9	47.8	15.7
Tiền đầu kỳ	86.3	103	96.2	162	112
Lưu chuyển tiền thuần	16.1	-7.23	64.2	-52.0	60.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.79	0.23	1.49	1.90	-1.01
Tiền cuối kỳ	103	96.2	162	112	171

(Nguồn: fireant.vn)